

TCVN 7377: 2004

**CHẤT LƯỢNG ĐẤT – GIÁ TRỊ CHỈ THỊ pH
TRONG ĐẤT VIỆT NAM**

Soils quality – pH value index in the soils of Vietnam

HÀ NỘI - 2004

Lời nói đầu

TCVN 7377: 2004 do Ban Kỹ thuật Tiêu chuẩn TCVN/TC190 "*Chất lượng đất*" biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

Chất lượng đất – Giá trị chỉ thị pH trong đất Việt Nam

Soils quality – pH value index in the soils of Vietnam

1 Phạm vi áp dụng

1.1 Tiêu chuẩn này quy định dãy giá trị chỉ thị của pH trong một số nhóm đất chính của Việt Nam. Chỉ thị này làm cơ sở cho việc sử dụng đất, sử dụng phân bón một cách hiệu quả và hợp lý nhằm bảo vệ chất lượng môi trường đất và phòng tránh ô nhiễm nước.

1.2 Tiêu chuẩn này áp dụng để đánh giá chất lượng đất nói chung, đánh giá độ chua, độ phì nhiêu của đất và áp dụng để chuẩn hoá độ pH trong các loại đất.

2 Tiêu chuẩn viện dẫn

TCVN 4401: 1987 Đất trồng trọt – Phương pháp xác định pH_{KCl}

TCVN 4402: 1987 Đất trồng trọt – Phương pháp xác định pH_{H_2O}

TCVN 4403: 1987 Đất trồng trọt – Phương pháp xác định độ chua trao đổi

TCVN 4404: 1987 Đất trồng trọt – Phương pháp xác định độ chua thủy phân

TCVN 5297:1995 Chất lượng đất – Lấy mẫu – Yêu cầu chung

TCVN 5979:1995 (ISO 10390:1994) Chất lượng đất – Xác định pH

TCVN 6647:2000 (ISO 11464:1994) Chất lượng đất – Xử lý sơ bộ đất để phân tích lý-hoá

3 Thuật ngữ định nghĩa

3.1 Giá trị chỉ thị (Index value)

Là khoảng giá trị của pH thường gặp trong một số nhóm đất chính.

3.2 Giá trị trung bình (Mean value)

Là giá trị trung bình cộng của tất cả các mẫu được xét đến, tính theo công thức:

$$\text{Giá trị trung bình} = \frac{\text{Tổng các giá trị}}{\text{Tổng số mẫu}}$$

4 Giá trị chỉ thị

Giá trị chỉ thị của pH trong 6 nhóm đất chính của Việt Nam được quy định trong bảng 1. Trong đó pH_{H_2O} là chỉ thị của độ chua thực tại, pH_{KCl} là chỉ thị của độ chua trao đổi.

Phương pháp lấy mẫu và phương pháp xác định áp dụng theo các TCVN hiện hành như nêu trong điều 2 của tiêu chuẩn này.

Bảng 1 - Giá trị chỉ thị của pH trong 6 nhóm đất chính của Việt Nam

Nhóm đất	Khoảng giá trị	Trung bình	
1 Đất đỏ	pH_{H_2O}	Từ 3,80 đến 8,12	5,13
	pH_{KCl}	Từ 3,20 đến 7,24	4,18
	ΔpH	Từ 0,30 đến 2,00	0,94
2 Đất phù sa	pH_{H_2O}	4,11 đến 7,57	5,47
	pH_{KCl}	3,57 đến 6,84	4,59
	ΔpH	0,28 đến 1,80	0,89
3 Đất xám bạc màu	pH_{H_2O}	3,84 đến 8,02	5,11
	pH_{KCl}	3,60 đến 7,66	4,29
	ΔpH	0,01 đến 1,32	0,82
4 Đất phèn(*)	pH_{H_2O}	3,40 đến 6,10	4,40
	pH_{KCl}	2,65 đến 5,70	3,73
	ΔpH	0,10 đến 1,50	0,57
5 Đất mặn	pH_{H_2O}	4,00 đến 8,50	6,59
	pH_{KCl}	3,96 đến 7,56	6,04
	ΔpH	0,10 đến 1,40	0,63
6 Đất cát ven biển	pH_{H_2O}	5,00 đến 8,97	6,87
	pH_{KCl}	4,10 đến 7,84	5,82
	ΔpH	0,00 đến 1,20	0,68
CHÚ THÍCH: (*) Đất khô			